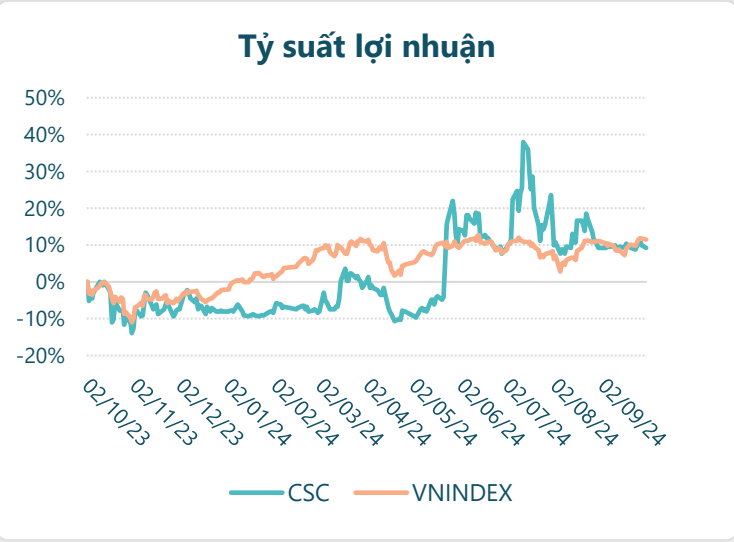


Ngày	28,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-1.1%	7.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,154 - 35,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,051
Số lượng CPLH (CP)	37,408,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	97,250
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.17
EPS	911
P/E	30.8



Doanh thu thuần
Q3/24

246

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 137 | 126%

YoY: ▲ 136 | 124%

Nợ/VCSH
Q3/24

175%

YoY: +/- ▼ 15.5%

LN gộp
Q3/24

30.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 30.0%

YoY: ▼ 14.6 | -32.4%

ROE (TTM)
Q3/24

4.1%

YoY: +/- ▼ 1.3%

LN trước thuế
Q3/24

9.54

tỷ VNĐ

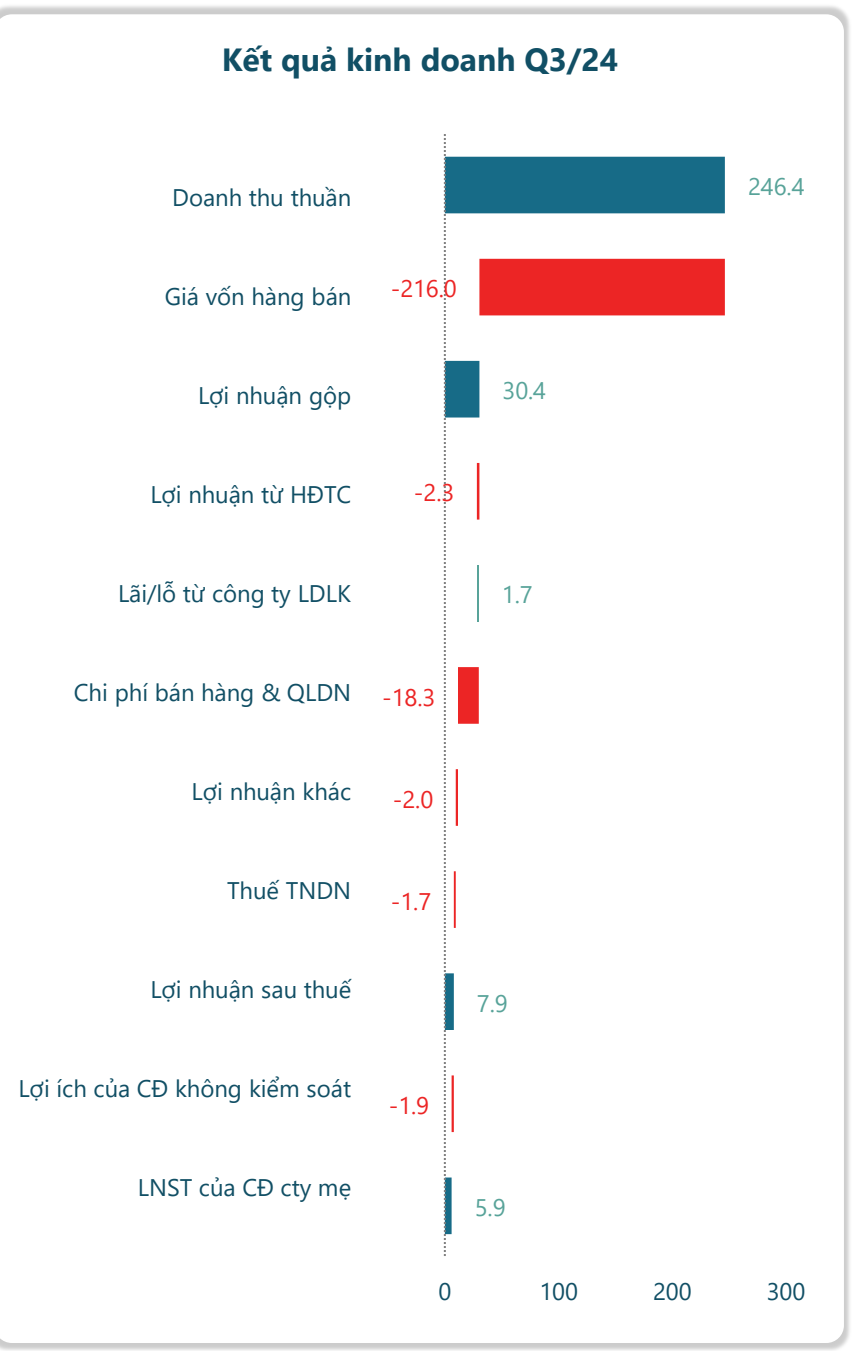
QoQ: ▲ 1.49 | 18.5%

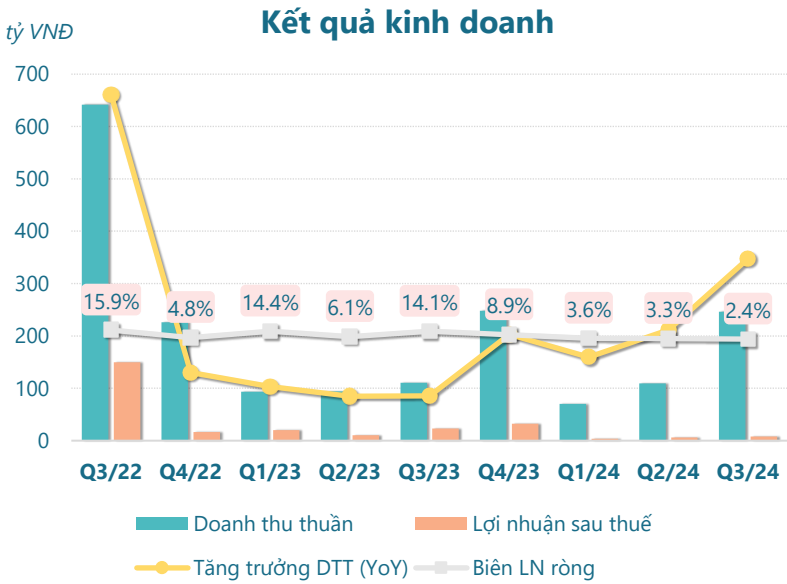
YoY: ▼ 19.3 | -66.9%

ROA (TTM)
Q3/24

1.5%

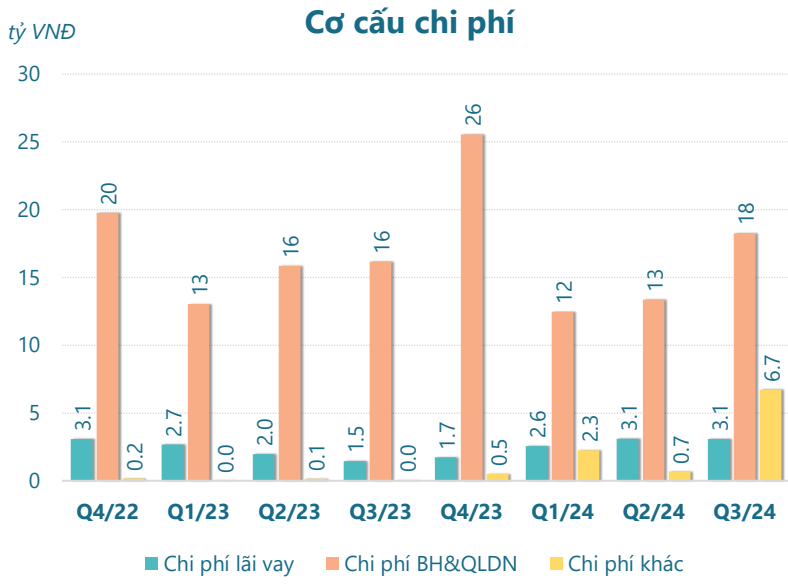
YoY: +/- ▼ 0.4%





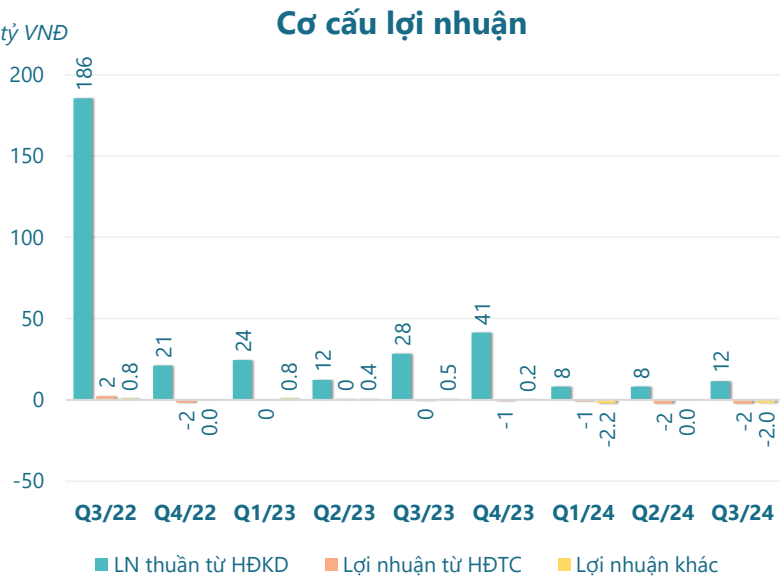
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 11.54 tỷ đồng**, tăng thêm 42.6% so với kỳ trước và thấp hơn 59.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.27 tỷ đồng** tăng thêm 0.11 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.82 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 2.00 tỷ đồng** giảm đi 1.96 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 526% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CSC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **246.4 tỷ đồng** tăng thêm **123%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.86 tỷ đồng, giảm sút 65.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **426.0 tỷ đồng** cao hơn 43.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 18.00 tỷ đồng** thấp hơn 66.0% so với cùng kỳ năm trước.



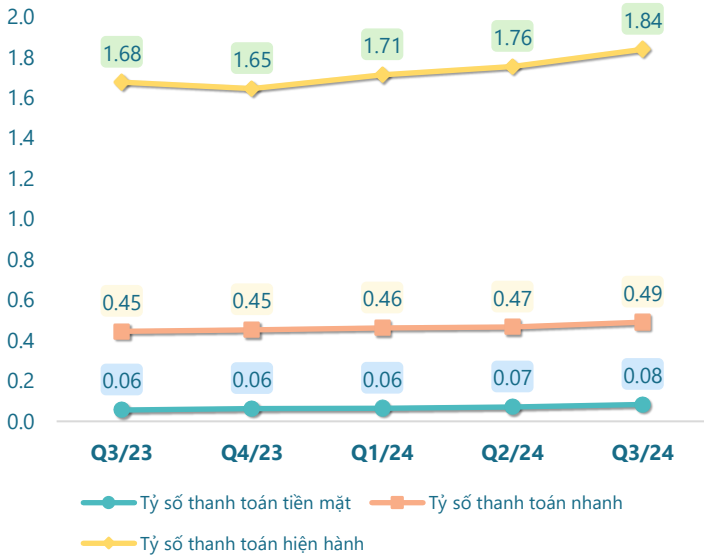
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **3.08 tỷ đồng** giảm đi 0.32% so với kỳ trước và cao hơn 111% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **18.27 tỷ đồng** tăng thêm 36.5% so với kỳ trước và cao hơn 13.0% so với cùng kỳ năm trước.

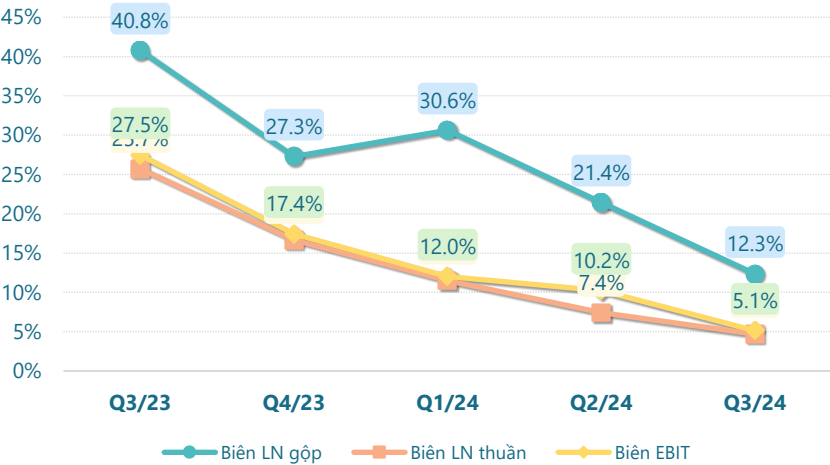
Chi phí khác bằng **6.72 tỷ đồng** tăng thêm 888% so với kỳ trước và cao hơn 13340% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	246	109	126%	110	124%	426	298	43.0%
Giá vốn hàng bán	216	85.8	152%	65.4	230%	351	189	85.9%
Lợi nhuận gộp	30.4	23.4	30.0%	45.0	-32.4%	75.4	109	-31.1%
Doanh thu HĐTC	0.79	0.81	-2.5%	1.01	-21.8%	3.18	5.93	-46.5%
Chi phí TC	3.06	3.18	-3.7%	1.46	110%	8.81	6.10	44.5%
Chi phí lãi vay	3.08	3.09	-0.4%	1.46	111%	8.74	6.10	43.2%
LN trong công ty LKLD	1.67	0.44	280%	0.00		2.11	0.99	114%
Chi phí bán hàng	11.6	5.67	104%	10.2	13.4%	21.9	20.4	7.2%
Chi phí QLDN	6.70	7.71	-13.1%	6.00	11.7%	22.2	24.6	-9.8%
LN thuần từ HĐKD	11.5	8.09	42.7%	28.4	-59.4%	27.7	65.2	-57.4%
Lợi nhuận khác	-2.00	-0.04	-4909%	0.47	-526%	-4.25	1.72	-347%
LN trước thuế	9.54	8.05	18.5%	28.8	-66.9%	23.5	66.9	-64.9%
Lợi nhuận sau thuế	7.86	6.21	26.5%	23.0	-65.8%	17.9	53.5	-66.5%
LNST của CĐ cty mẹ	5.93	3.57	66.0%	15.6	-62.0%	12.1	34.8	-65.3%

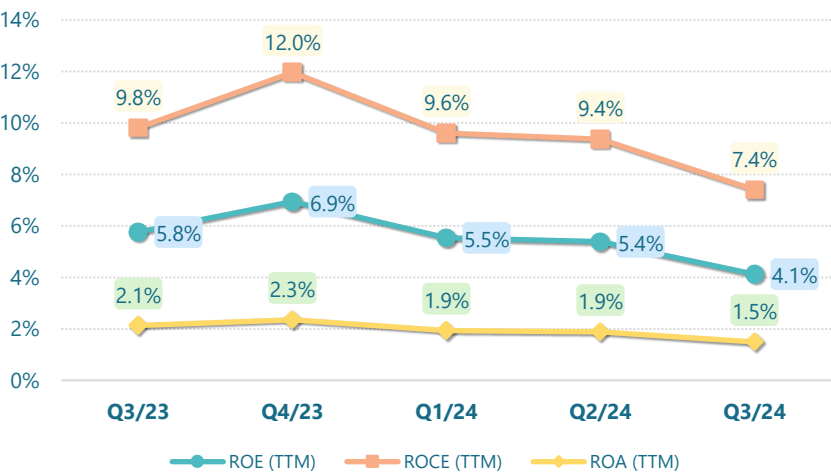
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

